TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **59**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: ông Hà Văn Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số 23/2018/QĐST -HNGĐ ngày 23/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Tấn A, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu phố An H, phường Hòa L, thị xã Bến C, tỉnh B. (có mặt)
Bị đơn: Chị Vương Thị C, sinh năm 1994
Địa chỉ: Đội 1, ấp Suối Đ, xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2018 và bản tự khai anh Trương Tấn Anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Tấn A và chị Vương Thị C chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến thường hay cãi nhau. Từ năm 2015 cho đến nay, anh Tấn Avà chị C sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, anh Tấn A xác định tình cảm với chị C đã hết, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Vương Thị C.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh A và chị C có 02 con chung tên là Trương Phúc L, sinh năm 2013 và Trương Huỳnh Diễm M, sinh năm 2014. Khi ly hôn, anh Tấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh A không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Vương Thị C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

- Về nội dung:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Tấn A và chị Vương Thị C.

+ Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn anh Trương Tấn A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Vương Thị C; về con chung, tài sản chung không không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là chị Vương Thị C cư trú tại huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao, tống đạt, niêm yết các: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn anh Trương Tấn A và bị đơn chị Vương Thị C nhưng chị Cvẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét cần áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Vương Thị C.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Tấn A và chị Vương Thị C chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2012. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, do có kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự

cảm thông chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn phát sinh trong cuộc sống gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt. Từ năm 2015 đến nay, anh Tấn A và chị C sống ly thân nên trên thực tế hôn nhân giữa anh Tấn A và chị C đã không còn tồn tại. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và nhiều lần triệu tập chị C để hòa giải, tạo điều kiện cho anh A và chị C có cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng chị C cố tình không đến, điều này chứng tỏ chị C cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình cùng anh A.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tấn A và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh A xin được ly hôn với chị Clà có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho anh Trương Tấn A được ly hôn với chị Vương Thị C là phù hợp.

[2] Về con chung: Nguyên đơn Trương Tấn A và bị đơn Vương Thị C có 02 con chung tên là Trương Phúc L, sinh năm 2013 và Trương Huỳnh Diễm M, sinh năm 2014. Khi ly hôn, anh Tấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn anh Trương Tấn A phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho anh Trương Tấn A được ly hôn với chị Vương Thị C.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng***)**, anh Trương Tấn A phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024935, quyển số 000499 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Anh Trương Tấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vương Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Bình Phước;*
-*VKSND huyện Đồng Phú;*
-*THA huyện Đồng Phú;*
-*UBND xã Đ (cqĐKKH);*
-*Các đương sự;*
-*Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương